



CẢI CÁCH GIÁO DỤC - ĐIỀU KIỆN CẦN ĐỂ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC

• TSKH. PHẠM ĐỖ NHẬT TIẾN
Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Bài toán đuổi kịp và các mô hình tăng trưởng kinh tế

Từ hơn một trăm năm nay, vấn đề làm đau đầu các nhà hoạch định chính sách, các nhà kinh tế và các nhà nghiên cứu là làm thế nào để một nước nghèo đuổi kịp nước giàu về trình độ phát triển kinh tế, trước hết là về thu nhập bình quân đầu người. Đó là bài toán đuổi kịp trong phát triển kinh tế - xã hội.

Một số nhà kinh tế học lạc quan cho rằng với xuất phát điểm thấp, trên cơ sở học tập các bài học thành công cũng như bài học thất bại của nước đi trước, một nước đang phát triển sẽ có *tiềm năng* hơn trong tăng trưởng và nhờ vậy có khả năng đuổi kịp nước phát triển. Sự hội tụ trong lộ trình phát triển rồi sẽ xảy ra, đó là tiên đoán của họ. Tuy nhiên, thực tế đã không hoàn toàn diễn ra như vậy. Trong bức tranh chung về phát triển kinh tế thế giới từ cuộc cách mạng công nghiệp đến nay, khoảng cách giàu nghèo giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển có xu hướng gia tăng. Chỉ có một số ít nước, trên cơ sở *biến tiềm năng thành thực năng*, đã giải thành công bài toán đuổi kịp bằng mô hình tăng trưởng của riêng mình.

Đánh giá các mô hình tăng trưởng kinh tế khác nhau trong bài toán đuổi kịp, Báo cáo phát triển công nghiệp năm 2005 của UNIDO (Tổ chức phát triển công nghiệp Liên Hiệp Quốc) chỉ ra rằng cách thức mà các nước dùng để thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế với các nước đi trước rất đa dạng¹. Vấn đề không chỉ là bắt chước các định chế, quy trình, công nghệ của các nước phát triển. Cũng không thể chỉ trông cậy vào các động lực của kinh tế thị trường. Có rất nhiều yếu tố đan xen về thể chế, kinh tế, giáo dục, khoa học- công nghệ, văn hoá, địa lí, lịch sử... mà mỗi nước cần xử lí một cách phù hợp với điều kiện cụ thể của mình nhằm nâng cao các thực năng công nghệ và thực năng xã hội trong việc phát huy lợi thế của nước đi sau.

Tuy nhiên, trên cơ sở phân tích thực tế, có thể chỉ ra một số điểm chung dẫn đến thành công trong đuổi kịp. Trước hết là việc nâng cao nhanh chóng trình độ giáo dục và việc phát triển các cơ sở giáo dục đại học về khoa học và công nghệ. Tiếp nữa là việc hình thành các cơ quan nhà nước chuyên nghiên cứu về công nghiệp và cung cấp tư vấn, khuyến nghị, dịch vụ cho các hãng công nghiệp. Cuối cùng là việc tiếp cận không hạn chế với tri thức khoa học - công nghệ thông qua việc tham gia cách mạng khoa học - công nghệ quốc tế. Xuyên suốt các quá trình trên là vai trò then chốt của các chính sách công nhằm khuyến khích thực năng về tri thức cùng với các thực năng về quản lí và tài chính, coi đó là các yếu tố mấu chốt để phát huy tiềm năng của nước đi sau trong quá trình đuổi kịp.

2. Sự lựa chọn của Việt Nam

Hai mươi năm nay, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam được thực hiện theo đường lối đổi mới toàn diện đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Về cơ bản, mô hình tăng trưởng kinh tế của nước ta mang những đặc trưng chủ yếu sau đây: 1/ Chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; 2/ Chuyển từ nền kinh tế khép kín, tự cung, tự cấp sang nền kinh tế mở cửa, chủ động hội nhập quốc tế; 3/ Việc chuyển đổi được thực hiện trên cơ sở giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, coi đó là tiên đề, điều kiện để phát triển nhanh và bền vững.

Nhờ vậy, đất nước ta đã có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế có sự tăng trưởng khá nhanh với mức tăng GDP bình quân suốt 15 năm nay là 7,56%/năm. Đây là mức tăng trưởng vượt khá xa mức tăng trưởng bình quân khu vực và vượt xa mức tăng trưởng bình quân thế giới. Theo phân loại của UNDP², nếu thế giới ngày nay được chia thành các nước OECD (30 nước),



các nước kinh tế chuyển đổi (27 nước), các nước đang phát triển (137 nước) và các nước kém phát triển (50 nước) thì Việt Nam thuộc các nước đang phát triển. Tuy nhiên, nếu tính theo thu nhập thì nước ta thuộc các nước có thu nhập thấp (GDP dưới 825 USD/người/năm, theo phân loại của Ngân hàng thế giới trong năm 2004).

Với mức tăng trưởng GDP trong 5 năm tới, dự kiến là 7,5-8%/năm, vào năm 2010 Việt Nam sẽ gia nhập khối các nước có thu nhập trung bình. Nghĩa là chúng ta đang cố gắng khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực. Tuy nhiên, giả dụ chúng ta duy trì tốc độ tăng trưởng này cho đến năm 2020 thì vào lúc đó GDP bình quân đầu người của Việt Nam cũng chỉ khoảng 2.100-2.200 USD, thuộc nước thu nhập trung bình thấp (GDP bình quân đầu người từ 826 USD đến 3255 USD, theo phân loại của Ngân hàng thế giới trong năm 2004), tức là vẫn còn khá xa so với trung bình của khối ASEAN năm 2020 dự báo đạt 3.600 USD/người/năm.

Thách thức lớn đối với nước ta là phải đẩy nhanh hơn nữa tốc độ tăng trưởng. Sự thần kì của các con rồng Châu Á trong những năm 1960-1980 và thực tiễn phát triển của Trung Quốc trong 25 năm gần đây đem lại bài học rằng nếu biết khai thác thành công tiềm năng của nước đi sau với lợi thế do thời đại đem lại thì nước ta hoàn toàn có thể phát triển nhanh và bền vững, rút ngắn quá trình công nghiệp hoá theo hướng hiện đại.

Trên thực tế, làm thế nào để không những vượt qua nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế mà còn đuổi kịp các nước đi trước luôn là mối quan tâm lớn của Đảng và Nhà nước. Đại hội IX của Đảng đã chỉ ra: "Con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt". Tuy nhiên, quan điểm phát triển này chưa được cụ thể hoá thành các giải pháp. Trong khi đó, tiềm ẩn đằng sau những số liệu ấn tượng về sự tăng trưởng theo chiều rộng là những dấu hiệu đáng lo ngại về chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Từ năm 1993 đến nay, tỉ lệ đóng góp của vốn đầu tư trong tăng trưởng kinh tế ngày càng cao, trong khi tỉ lệ đóng góp của năng suất tổng hợp (total factor productivity, TFP) ngày càng giảm và chỉ còn khoảng 20% vào thời điểm hiện nay. Tình trạng này là đáng lo ngại vì chỉ số này của các nước trong khu vực là tương đối cao (35% ở

Thái Lan, 41% ở Philippin, 43% ở Ấn Độ...)³.

Bài học rút ra từ cuộc khủng hoảng tài chính 1997 là tăng trưởng nhanh và bền vững phải dựa chủ yếu vào tăng năng suất tổng hợp, tức là sự đóng góp của tri thức. Vì vậy, chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá được vạch ra tại Đại hội VIII đã được làm rõ thêm tại Đại hội X bằng chủ trương *đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức*. Nói cách khác, mô hình tăng trưởng kinh tế của nước ta, ngoài 3 đặc trưng nêu trên, trong giai đoạn tới sẽ có thêm một đặc trưng mới, táo bạo và quan trọng. Đó là sự chuyển đổi từ nền kinh tế công nghiệp chủ yếu dựa vào tài nguyên thiên nhiên sang *nền kinh tế công nghiệp chủ yếu dựa vào tài nguyên trí tuệ*.

Cũng có thể nói đây là lần đầu tiên chúng ta làm rõ liệu pháp kết hợp giữa bước đi tuần tự với bước đi nhảy vọt. "Chúng ta tranh thủ các cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức"⁴.

Kinh tế tri thức là kinh tế trong đó tri thức đóng vai trò cỗ máy chính trong tăng trưởng. Thực ra, xuyên suốt lịch sử loài người, tri thức bao giờ cũng là nguồn gốc tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, nếu trước đây vốn và lao động đóng vai trò chủ chốt trong tăng trưởng kinh tế thì với cuộc cách mạng tri thức ngày nay vai trò đó đã thuộc về tri thức. Cạnh tranh kinh tế ngày nay cũng không hẳn là cạnh tranh về giá cả nữa mà là cạnh tranh về tri thức để tạo ra cơ hội mới, sản phẩm mới, quy trình mới, dịch vụ mới. Trong khi đó, khác với các vốn khác, vốn tri thức có thể lưu chuyển dễ dàng từ nước này sang nước khác, chia sẻ không tổn kém giữa dân tộc này với dân tộc khác. Vì vậy, *hội nhập kinh tế tri thức toàn cầu* mở ra cơ hội chưa từng có trong lịch sử để các nước nghèo thực hiện bước nhảy vọt trong phát triển. Bất kể xuất phát điểm ở đâu trong lộ trình phát triển, nước nào cũng cần và có thể phát triển kinh tế tri thức.

Đó là khía cạnh lí thuyết của vấn đề. Trên thực tế, sự bất bình đẳng trong kinh tế thế giới ngày nay cũng gắn liền với sự bất bình đẳng về tri thức. Các nước giàu cũng là các nước có tiềm lực tri thức vượt trội. Vì vậy, trong bối cảnh hội nhập kinh tế tri thức toàn cầu của thế kỉ XXI, cùng với những bài học về đuổi kịp đa trình bày ở trên, có thể nói rằng bài toán *đuổi kịp* về kinh

tế ngày nay quy về bại toán đỏi kip về tri thức.

3. Tiến trình đổi mới giáo dục và sự cần thiết phải cải cách giáo dục

Trong 20 năm qua, đổi mới giáo dục là một quá trình tìm tòi liên tục. Đặc trưng cơ bản của nó là chuyển từ nền giáo dục phục vụ kinh tế kế hoạch hoá sang nền giáo dục vận hành trong điều kiện kinh tế thị trường trên cơ sở bảo đảm bản chất xã hội chủ nghĩa của giáo dục nước nhà. Đây là mô hình giáo dục chưa từng có trong lịch sử. Nó không được thiết kế và triển khai từ sách vở. Đó là quá trình tìm tòi, thử nghiệm và sáng tạo bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế, từ quần chúng, từ thực tế và là quá trình do Đảng lãnh đạo.

Quá trình tìm tòi này được thực hiện bằng những bước đi thận trọng và được cụ thể hoá bằng các quan điểm chỉ đạo của Đảng trong từng giai đoạn phát triển của giáo dục. Từ HNTW 4 (khoá VII) đến HNTW2 (khoá VIII), HNTW6 (khoá IX), các quan điểm chỉ đạo này lần lượt xác lập một số đổi mới trong nhận thức về vai trò (quốc sách hàng đầu), về đầu tư (đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển), về bước đi (giáo dục đi trước và phục vụ đắc lực sự phát triển kinh tế - xã hội), về phương hướng (phát triển giáo dục phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, những tiến bộ khoa học - công nghệ và củng cố quốc phòng, an ninh), về cách làm (chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, đa dạng hoá; phát triển giáo dục thường xuyên và xây dựng xã hội học tập). Các đổi mới trên được tiến hành trên một cơ sở bất biến về bản chất và mục tiêu xã hội chủ nghĩa của giáo dục.

Đến nay, giáo dục nước nhà đã có bước phát triển mới và đã có những đóng góp đáng kể trong việc làm thay đổi diện mạo chung của đất nước. Tuy nhiên, cũng như kinh tế, các thành tựu cơ bản của giáo dục trong thời gian qua chủ yếu là sự phát triển theo chiều rộng. Các yếu kém về chất lượng và hiệu quả, về cơ cấu phát triển, về công bằng xã hội đã tích tụ lại trong một quá trình phát triển thiên về số lượng như vậy và đang đặt giáo dục trước những thách thức gay gắt nhằm đòi hỏi có hiệu quả hơn nhu cầu học tập của nhân dân, yêu cầu nhân lực của doanh nghiệp và đòi hỏi của đất nước trong phát triển nhanh và bền vững.

Thực ra, từ HNTW2 (Khoá VIII) và nhất là sau Đại hội X của Đảng, yêu cầu tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục đã được đặt lên hàng đầu. Tuy nhiên, sự chuyển biến vẫn chậm

chạp và điều quan trọng là hầu như không có hướng đi mang tính đột phá chiến lược. Nguyên nhân cơ bản là thiếu một tầm nhìn tổng thể, thiếu một kế hoạch đồng bộ, dẫn đến cách đổi mới chắp vá như Đại hội X của Đảng đã chỉ ra.

Nói cho công bằng, trước tính phức tạp và hoàn toàn mới của bài toán chuyển đổi giáo dục từ nền kinh tế kế hoạch hoá sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc tìm tòi bước đi bằng quá trình đổi mới từng phần là cần thiết và đúng đắn; những kết quả đạt được là quan trọng. Những đường viền cơ bản của một "thế giới quan" về giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được định hình. Tuy nhiên, ngoài việc tiếp tục đào sâu thế giới quan này, yêu cầu bức thiết hiện nay là gắn kết nó với một thế giới quan mới về giáo dục trong bối cảnh hội nhập kinh tế tri thức toàn cầu. Vì vậy, trước những tồn tại hiện có và trước những cơ hội cùng thách thức của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức, không thể tiếp tục bằng giải pháp đổi mới giáo dục như vừa qua. Nhất thiết phải chuyển giáo dục lên một bước phát triển mới về chất để tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế tri thức toàn cầu. Điều này dẫn đến yêu cầu phải cải cách giáo dục (CCGD).

CCGD đòi hỏi phải tự duy lại một cách nhất quán mọi vấn đề cơ bản của giáo dục, kể cả những vấn đề vốn được coi là bất biến.

Trước hết, đó là bản chất xã hội chủ nghĩa của giáo dục. Trong suốt hành trình đổi mới vừa qua, khi chúng ta từng bước đẩy mạnh kinh tế thị trường thì câu hỏi về nội hàm của chủ nghĩa xã hội cũng liên tục được đặt ra và đòi hỏi có câu trả lời thoát khỏi sự kinh viện. Đến nay, như Đại hội X đã khẳng định, "nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn... Xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh... Để đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa..."⁵

Vậy thì để xây dựng nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải làm gì? Câu hỏi này cũng cần câu trả lời sáng tỏ hơn, cụ thể hơn so với những lí giải chung chung. Nhiều yếu kém hiện nay của giáo dục không hẳn là do tác động mặt trái của cơ chế thị trường mà có nguyên nhân sâu xa từ sự khô cứng trong nhận thức về bản chất



của giáo dục. Bệnh khoa cử, bệnh hình thức, bệnh thành tích, thậm chí bệnh cơ hội và thói đạo đức giả, xét đến cùng đều gắn bó mật thiết với một tư duy giáo điều về giáo dục vốn được bắt rễ trong nền kinh tế chỉ huy, quan liêu, bao cấp. Cũng như câu hỏi về đảng viên làm kinh tế tư nhân, câu hỏi về thế nào là giáo dục xã hội chủ nghĩa cần sớm có câu trả lời thuyết phục, phù hợp với sự vận động của thực tiễn. Cách tốt nhất để thoát khỏi sự kinh viện là quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về nền giáo dục của dân, do dân, vì dân. Cần đào sâu hơn nữa tư tưởng này để có cách nghĩ mới phù hợp với hoàn cảnh cụ thể hiện nay của đất nước trong việc xây dựng một nền giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của dân, phục vụ lợi ích của dân và phát huy được sức mạnh của dân, thực sự do dân làm chủ.

Tiếp đến là mục tiêu của giáo dục. Mục tiêu chung của giáo dục đã được quy định trong Hiến pháp và Luật Giáo dục cần được nhận thức sâu sắc hơn để làm rõ trong mục tiêu cụ thể của từng cấp học và trình độ đào tạo. Các mục tiêu này phải thoát khỏi sự phát biểu chung chung, tròn trĩnh, kín kẽ, để hướng tới thực sự phục vụ lợi ích của người học, lợi ích của doanh nghiệp và lợi ích của quốc gia. Các mục tiêu này cũng không cố định mà di động cùng với sự vận động của đất nước. Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ, không chỉ là sự chuyển đổi sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà còn là chuyển đổi từ kinh tế nông nghiệp lên kinh tế công nghiệp theo hướng hiện đại, từ kinh tế khép kín sang kinh tế hội nhập, từ kinh tế truyền thống lên kinh tế tri thức. Trong bối cảnh đó, người học cần gì về dân trí, doanh nghiệp cần gì về nhân lực, đất nước cần gì về nhân tài, những câu hỏi này chưa bao giờ được giải đáp thoả đáng để làm cơ sở cho việc cụ thể hoá các mục tiêu giáo dục.

Về tổng thể, cần nhận thức rằng những yêu cầu của việc xây dựng một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, những đòi hỏi của một xã hội học tập, những thách thức của bước chuyển sang xã hội thông tin, kinh tế tri thức, hội nhập kinh tế quốc tế buộc chúng ta thoát khỏi những quan niệm cố hữu về một cách làm giáo dục trong đó sản phẩm là những người chỉ chuyên tâm vào lĩnh hội kiến thức mà không biết học cách học, chỉ biết học trên ghế nhà trường mà không biết học suốt đời, chỉ biết chấp nhận mà không biết phê phán, chỉ biết thụ động thừa hành mà không dám nghĩ dám làm. Chúng ta phải suy nghĩ lại một cách triệt để về mục tiêu cụ

thể của từng cấp học và trình độ đào tạo để chuyển trọng tâm giáo dục sang những năng lực cần thiết sao cho người học biết suy nghĩ, phê phán, đánh giá và hành động đúng đắn; biết cách học độc lập và suốt đời; biết tạo nghiệp và phát huy các năng lực cá nhân; biết chung sống, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; biết chấp nhận rủi ro và đương đầu với mạo hiểm; biết sáng tạo và thích ứng với những đổi thay của đời sống xã hội.

Để CCGD cũng cần biết giáo dục Việt Nam đang ở đâu và sẽ đi đến đâu trong vài thập kỉ tới, trước hết là đến năm 2020.

Việc xác định vị trí giáo dục Việt Nam trên bản đồ giáo dục thế giới phân nào đã được giải đáp trong một bài báo trước đây. Các chỉ tiêu so sánh cho thấy về kinh tế, nước ta thuộc nước có thu nhập thấp; nhưng giáo dục đã đi trước một bước, vượt khá xa mức độ trung bình của các nước có thu nhập thấp như Việt Nam, ở mức khá của các nước có HDI trung bình, đang tiến tới mức trung bình của thế giới và trung bình của các nước có thu nhập trung bình thấp.

Với xuất phát điểm nêu trên và định hướng phát triển kinh tế Việt Nam đến năm 2020, có thể đưa ra một số phương án khác nhau về điểm đến của giáo dục nước ta trong 15 năm tới. Để tăng tốc trong bài toán đuổi kịp về tri thức làm cơ sở cho việc tăng năng suất tổng hợp, đẩy nhanh hơn nữa tốc độ tăng trưởng kinh tế, có thể đưa ra tầm nhìn giáo dục Việt Nam như sau: *đến năm 2020, giáo dục nước ta được chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, đạt trình độ khá trong khu vực, đủ năng lực hội nhập với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, góp phần chủ yếu trong việc tạo ra vốn con người có chất lượng cạnh tranh và vốn xã hội vững chắc, đáp ứng yêu cầu của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, dựa trên tri thức.*

Như thế CCGD sẽ là sự thay đổi cơ bản và toàn diện hệ thống giáo dục nước ta vì yêu cầu tạo ra vốn con người có chất lượng cạnh tranh và vốn xã hội vững chắc, nhằm mục tiêu góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

4. Cải cách giáo dục là cần nhưng không đủ

Theo cách tiếp cận của Ngân hàng thế giới thì *kinh tế tri thức là nền kinh tế sản sinh, phổ biến và sử dụng tri thức để thúc đẩy tăng trưởng*

và sức cạnh tranh. Theo cách hiểu này, việc phát triển kinh tế tri thức không đòi hỏi công nghệ cao hoặc công nghệ thông tin hàng đầu. Điều cơ bản là sử dụng ý tưởng hơn là phương tiện vật chất, tăng hàm lượng chất xám của sản phẩm hơn là khai thác nguyên vật liệu để phát triển kinh tế - xã hội. Nghĩa là bất kì nước nào, dù phát triển hay đang phát triển, đều cần và có thể phát triển kinh tế tri thức. Khi đó, theo phân tích của UNIDO trong Báo cáo phát triển công nghiệp 2005, có mối tương quan vững chắc, không thể chối cãi được, giữa tăng trưởng kinh tế và trình độ phát triển về tri thức của quốc gia. Vì vậy, giáo dục nằm ở vị trí trung tâm của chiến lược phát triển.

Tuy nhiên, do những yếu kém và bất cập như đã nêu trên, giáo dục nước ta mới chỉ dừng lại ở việc đem đến cho người học tiềm năng trong việc sản sinh, phổ biến và sử dụng tri thức để thúc đẩy tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. CCGD chính là để vượt qua sự hạn chế kéo dài này, biến tiềm năng thành thực năng. Xét ở góc độ đó, CCGD là điều kiện cần cho phát triển kinh tế tri thức.

Đĩ nhiên, bản thân CCGD không thể tạo nên điều kiện đủ. Để làm rõ những yếu tố nào sẽ tạo

nên điều kiện đủ, trong phần tiếp đây sẽ sử dụng quan niệm về bốn cột đỡ kinh tế tri thức do Ngân hàng thế giới đề xuất. Đó là: 1/ Chế độ kinh tế và thể chế khuyến khích sử dụng có hiệu quả tri thức mới và tri thức hiện có, đồng thời thúc đẩy tính tạo nghiệp; 2/ Người dân được học tập và có kĩ năng để sản sinh, chia sẻ và sử dụng tri thức; 3/ Cấu trúc hạ tầng thông tin năng động tạo thuận lợi cho việc liên lạc, truyền bá và xử lí thông tin hiệu quả; 4/ Hệ thống cách tân có hiệu lực của các công ty, trung tâm nghiên cứu, trường đại học, nhà tư vấn và các tổ chức khác để kết nối vào kho tri thức toàn cầu nhằm hấp thu và điều chỉnh nó cho phù hợp với nhu cầu đất nước và tạo ra công nghệ mới.

Điều quan trọng là bốn cột đỡ kinh tế tri thức này có thể đo được trên cơ sở các chỉ tiêu định lượng và định tính tin cậy. Giá trị trung bình của các số đo này tạo nên chỉ số kinh tế tri thức KEI dùng để xếp hạng các nước trên thế giới về phát triển kinh tế tri thức. Căn cứ vào Bảng 1 dưới đây đối với 10 nền kinh tế tri thức dẫn đầu thế giới hiện nay, có thể thấy rằng cả 4 cột đỡ kinh tế tri thức đều phát triển vững chắc và đồng bộ tạo nên sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế.

Đối với các nền kinh tế mới công nghiệp hoá

NIE, Bảng 2 dưới đây cho thấy, tuy 4 cột đỡ kinh tế tri thức cũng được quan tâm phát triển, nhưng có sự đánh đổi nhất định, tùy theo chiến lược phát triển của từng nền kinh tế. Singapore tập trung vào các cột đỡ về thể chế kinh tế, sáng chế phát minh và hạ tầng thông tin; Đài Loan chú trọng tới sáng chế phát minh và hạ tầng thông tin; Hồng Kông đẩy mạnh cải cách thể chế kinh tế và hạ tầng thông tin; Hàn Quốc dành ưu tiên cho sáng chế phát minh, giáo dục đào tạo và hạ tầng thông tin.

Đối với Việt Nam, Bảng 3 dưới đây cho thấy chỉ số KEI cùng các chỉ số thành phần trong năm 1995 và năm 2004. Có thể rút ra một số

nhận xét sau: 1/ Việt Nam đã vượt lên 19 bậc, tức là có động thái tích cực trong việc chuyển dịch sang nền kinh tế tri thức; 2/ Các đóng góp tích

Hạng trong 128 nước	Nước	KEI	Thể chế kinh tế	Sáng chế, phát minh	Giáo dục đào tạo	Hạ tầng thông tin
1	Thụy Điển	9,25	8,39	9,68	9,19	9,76
2	Phần Lan	9,11	8,78	9,73	9,21	8,71
3	Đan Mạch	9,08	8,65	9,36	8,87	9,46
4	Thụy Sĩ	8,84	8,54	9,42	7,73	9,66
5	Anh	8,80	8,34	8,60	9,00	9,28
6	Aixolen	8,76	8,27	9,14	8,42	9,20
7	Hà Lan	8,71	8,52	8,72	8,60	8,99
8	Úc	8,70	7,83	8,71	9,18	9,07
9	Na Uy	8,65	8,41	8,89	8,95	8,34
10	Mĩ	8,58	7,95	9,43	8,22	8,74

Bảng 1. Chỉ số KEI của 10 nền kinh tế tri thức dẫn đầu thế giới (Nguồn: World Bank, 2006 Interactive Knowledge Assessment Methodology).

Hạng trong 128 nước	Nước	KEI	Thể chế kinh tế	Sáng chế phát minh	Giáo dục đào tạo	Hạ tầng thông tin
16	Singapore	8,24	9,61	9,06	5,33	8,95
20	Đài Loan	8,10	7,63	8,97	6,94	8,85
26	Hồng Kong	7,68	9,40	7,49	4,82	9,01
28	Hàn Quốc	7,48	5,38	8,18	7,62	8,75

Bảng 2. Chỉ số KEI của bốn nền kinh tế mới công nghiệp hoá (Nguồn: như trên)

Năm	Hạng	KEI	Thể chế kinh tế	Sáng chế phát minh	Giáo dục đào tạo	Hạ tầng thông tin
1995	110/128	1,65	1,56	0,55	3,39	1,10
2004	91/128	2,92	2,30	2,51	3,99	2,88

Bảng 3. Chỉ số KEI của Việt Nam năm 1995 và 2004 (Nguồn: như trên)

cực trong sự chuyển dịch này là do tăng cường hạ tầng thông tin, sáng chế phát minh và thể chế kinh tế; 3/ Vẫn có sự thiếu đồng bộ giữa 4 cột đỡ kinh tế tri thức.

Rõ ràng là dù giáo dục giữ vai trò then chốt trong việc phát triển kinh tế tri thức, nhưng vốn con người và vốn xã hội do nó tạo ra chỉ có thể phát huy tác dụng mong muốn trong sự phối hợp đồng bộ giữa 4 cột đỡ kinh tế tri thức. CCGD chỉ là điều kiện cần. Điều kiện đủ là cải cách và phát triển đồng bộ cả 4 cột đỡ kinh tế tri thức. Về mặt tổ chức thực hiện, điều đó nghĩa là dù phát triển kinh tế tri thức là nhiệm vụ của tất cả các ngành, các cấp, nhưng trách nhiệm trước hết thuộc về sự phối hợp chặt chẽ, tích cực, có hiệu quả, của bốn nhà: nhà quản lí kinh tế, nhà khoa học-công nghệ, nhà GD-ĐT và nhà thông tin-liên lạc. Điều này cần được thể hiện ngay trong công tác chỉ đạo của Chính phủ vì đến nay các "nhà" này vẫn hoạt động riêng lẻ là chính. Nếu tiếp tục như vậy, CCGD sẽ lại rơi vào tình trạng như đối mới giáo dục vừa qua, tức là không thể tạo nên sự chuyển biến cơ bản về chất lượng và hiệu quả.

5. Kết luận

Tại Đại hội IX của Đảng, một trong những quan điểm phát triển là nâng cao hàm lượng tri thức trong các nhân tố phát triển kinh tế - xã hội, từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta. Tuy nhiên quan điểm này mới chỉ vượt ra ngoài các trang giấy để đến với một số tranh luận không ngã ngũ tại các hội nghị, hội thảo. Bản thân ngành GD-ĐT, trong 5 năm qua, cũng chưa có động thái gì đặc biệt về những thay đổi cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu từng bước phát triển kinh tế tri thức.

Đến Đại hội X của Đảng, quan điểm phát triển trên đã được nâng lên thành một chủ trương rõ ràng và dứt khoát. Đó là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức. Đối với một nước cơ bản vẫn là nông nghiệp như nước ta hiện nay, chủ trương trên thể hiện một quyết tâm cao, phù hợp với xu thế chung và khả năng của đất nước, để không chỉ sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển mà trong tương lai không xa còn đưa nước ta tiến lên sánh vai với các cường quốc năm châu.

Vấn đề là chuyển chủ trương trên, quyết tâm trên thành giải pháp cụ thể. Hiện, một số ngành như bưu chính viễn thông, hàng không, du lịch... một số tỉnh, thành như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... đã sẵn sàng cho bước chuyển nhảy vọt này, tạo cơ sở hình thành cục diện kinh

tế tri thức lan toả. Đó là bước đi cần thiết trong điều kiện cụ thể về trình độ phát triển của nước ta. Tuy nhiên, trên hết phải là sự chủ động của từng ngành, từng địa phương trong việc cụ thể hoá chủ trương trên thành sự kết hợp giữa bước đi tuần tự với bước đi nhảy vọt, phù hợp với đặc điểm của ngành mình, địa phương mình.

Riêng đối với ngành GD-ĐT, để tạo nguồn nhân lực và nhân tài với thực năng sản sinh, phôi biến và sử dụng tri thức trong tăng trưởng và cạnh tranh kinh tế, CCGD là bước đi cần thiết sau quá trình đổi mới giáo dục vừa qua. Dĩ nhiên, điều này cần được tiếp tục tranh luận, trao đổi, mổ xẻ ngay từ bây giờ, khi ngành GD-ĐT đang chuẩn bị đánh giá và điều chỉnh Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010, xây dựng tầm nhìn và chiến lược phát triển giáo dục cho 15-20 năm tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Industrial Development Report 2005, *Capability building for catching-up*, UNIDO, 2005
2. Human Development Report 2005, trang 265, UNDP, 2005
3. Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2001, *Đổi mới và sự nghiệp phát triển con người*, trang 77, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001
4. *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển*. Báo cáo của BCHTW Đảng khóa IX về các văn kiện Đại hội X của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trình bày ngày 18/4/2006.
5. Phạm Đỗ Nhật Tiến, *Xác định vị trí giáo dục Việt Nam trên bản đồ giáo dục thế giới: Cách tiếp cận và những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Khoa học giáo dục, số 6 tháng 3/2006.
6. Phạm Đỗ Nhật Tiến, *Tầm nhìn giáo dục Việt Nam 2020: tiến tới nền kinh tế tri thức*. Tạp chí Khoa học giáo dục, số 3 tháng 12/2005.

SUMMARY

Accelerating industrialization, modernization and development of knowledge economy is a guiding principle of economic development laid down by the 10th Party Congress. This is considered in this paper as a leapfrog strategy for catching up. As such, the question of implementation is raised and it is argued that education reform is a necessary condition. However, it is not sufficient. A successful implementation needs to be supported by relevant, effective and efficient cooperation between four main actors: policy-makers, science and technology researchers, teachers and ICT developers.